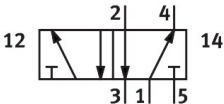
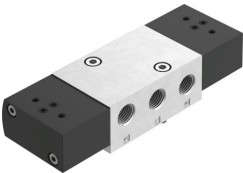


# **Van điện từ** **VSNC-FT-B52-G14-P2** Số bộ phận: 8114687

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 lưỡng ổn định                                             |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                          |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 32 mm                                                         |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 1000 l/ph                                                     |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | cổng kết nối cho van NAMUR                                    |
| Điện áp vận hành                                           | thông qua cuộn điện từ, được đặt hàng riêng                   |
| Áp suất vận hành                                           | 0.15 MPA...0.8 MPA<br>1.5 bar...8 bar                         |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Đế đĩa                                                        |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                              |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                           |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                        |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                       | VDI/VDE 3845 (NAMUR)                                          |
| Nút ghi đè                                                 | không                                                         |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                              |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                                         |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |
| Xếp chồng                                                  | gối chống âm                                                  |
| Thời gian chuyển đổi lúc                                   | 2 ms                                                          |
| Thời gian bật                                              | 100%                                                          |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | Xem cuộn điện từ, được đặt hàng riêng                         |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -20 °C...60 °C                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -20 °C...60 °C                                                |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 422 g                                                         |
| Kiểu gắn                                                   | với lỗ xuyên                                                  |
| Kết nối lỗ mở thông khí                                    | không được gom                                                |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G1/4                                                          |
| Cổng nối khí nén 2                                         | cổng kết nối cho van NAMUR                                    |

| Đặc tính           | Giá trị             |
|--------------------|---------------------|
| Cổng nối khí nén 3 | G1/4                |
| Cổng nối khí nén 4 | Sơ đồ kết nối NAMUR |
| Cổng nối khí nén 5 | G1/4                |
| Ghi chú vật liệu   | Tuân thủ RoHS       |
| Vật liệu của phốt  | NBR                 |
| Vật liệu vỏ        | Hợp kim nhôm rèn    |
| Vật liệu vít       | Thép mạ, kẽm        |